TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4- NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 22 /2026/HNGĐ-ST
Ngày 02/6/2026
Về xin ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân*:* Bà Bùi Thị Hà

Ông Trần Trung Hiếu

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4- Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Ninh Bình tham gia phiên tòa: ông Ninh Trọng Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - N sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 22/2026/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp: "*Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026;

Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2026/QĐST-HNGĐ ngày 08/5/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hải Y, sinh ngày 15/10/2000.

Số CCCD 0373000117xx cấp ngày 18/9/2025

Địa chỉ: thôn A, xã K, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Mai Văn T, sinh ngày 10/11/1994.

Số CCCD 0370940007xx

Địa chỉ: xóm K, xã B, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt chị Y, vắng mặt anh T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Trần Thị Hải Y trình bày: Chị kết hôn với anh Mai Văn T được tự do tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K vào ngày 02/11/2022; nay là xã K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết

hôn vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ anh T là bà Bùi Thị S tại xóm K, xã B, tỉnh Ninh Bình được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm thường xuyên cãi chửi nhau. Khoảng tháng 6 năm 2024, do không thể sống cùng với anh T được, nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ của chị là bà Lại Thị L và ông Trần Văn H tại xóm A, xã K, nay là thôn A, xã K để ở và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay và không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng thực sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Mai Văn T, để chị có điều kiện ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh Mai Văn T có một con chung là cháu Mai Ngọc T1, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2023. Hiện nay cháu T1 đang ở với với chị, nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu T1 cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T1 trưởng thành đủ 18 tuổi; về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Nghề nghiệp hiện nay của chị hiện nay làm công nhân điện tử thu nhập bình quân hàng tháng 10.000.000 đồng; còn anh T làm lao động tự do, thu nhập thì chị không nắm được.Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Y không đề nghị Tòa giải quyết. Về án phí: Chị Y xin nộp án phí theo quy định của pháp luật.

** Bị đơn- Anh Mai Văn T:* không có ý kiến trình bày gì và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì mặc dù Toà án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đúng trình tự quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định; Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 BLTTDS năm 2015; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hải Y, xử cho chị Y được ly hôn anh Mai Văn T. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Hải Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là cháu Mai Ngọc T1, sinh ngày 10/10/2023 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh T được quyền thăm nom chăm sóc con chung. Về phần cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận sự tự nguyện của chị Y về không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí ly hôn: chị Trần Thị Hải Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về tố tụng: Chị Y có yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp nuôi con đối với anh Mai Văn T. Anh T hiện đang cư trú tại xóm K, xã B, tỉnh Ninh Bình. nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Tại phiên toà, bị đơn không có yêu cầu phản tố, vắng mặt lần thứ hai mặc dù Toà án đã tống đạt hợp lệ nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Bị đơn.

[II].Về quan hệ tranh chấp:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân: C*hị Trần Thị Hải Y và anh Mai Văn T kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Y (nay là UBND xã K) vào ngày 02/11/2022. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại nhà bố mẹ anh T là bà Bùi Thị S ở xóm K, xã B, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc sau đó vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm cách sống, Từ tháng 6/2024, chị Y đã bế con bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị Y là ông Trần Văn H sống tại xóm A, xã K, huyện Y, nay là thôn A, xã K. Từ đó vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, anh T có mặt tại địa phương, đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Toà án làm việc và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Y, không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng thể hiện anh T không có thiện chí hàn gắn gia đình. Chị Y đã đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án và kiên quyết xin ly hôn do xác định tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y và anh T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ Điều 56, 57 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Y, xử cho chị Y được ly hôn anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. *Về con chung:* Chị Y và anh T có một con chung là Mai Ngọc T1, sinh ngày 10/10/2023, hiện nay cháu đang ở với chị Y. Về phía anh T cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con. Nghề nghiệp của chị Y hiện đang làm công nhân tại Khu công nghiệp P, tỉnh Ninh Bình, thu nhập trung bình 10.000.000đồng/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Mai Ngọc T1 cho chị Y được tiếp tục chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về phần cấp dưỡng nuôi con, mặc dù Toà án đã giải thích pháp luật về quyền và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị Y vẫn không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay điều kiện kinh tế hiện nay của chị vẫn lo được cho con được đảm bảo còn anh T nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập không ổn định nên cần ghi nhận sự tự nguyện của chị Y về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[3].*Về tài sản chung, công nợ chung*: Chị Y không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4].*Về án phí dân sự sơ thẩm*: chị Y phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

*1.*Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Hải Y.

Xử cho chị Trần Thị Hải Y được ly hôn anh Mai Văn T. Quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2.Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Hải Y được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cháu Mai Ngọc T1, sinh ngày 10/10/2023 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Y về việc không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

"*Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con".*

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Hải Y phải nộp 300.000[đ] (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000[đ] (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí BLTU/26E số 0000411 ngày 22/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình

Án xử công khai sơ thẩm, chị Y có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND Khu vực 4- Ninh Bình.
- Phòng THA DS Khu vực 4- Ninh Bình
- UBND xã K
- Các đương sự
- Lưu hs
- Lưu cq

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy